

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày: 02-02-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CK, TỈNH TV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diêu Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Quone

Nghề nghiệp: Giáo viên

Ông Sơn Hương

Nghề nghiệp: Bác sĩ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh TV tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 19/01/2021 đối với các bị cáo:

1/- Huỳnh Văn N, sinh ngày 06/6/1997 tại tỉnh TV; nơi cư trú: ấp Số 5, xã MC, huyện CL, tỉnh TV; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Họ và tên vợ, con: không có; tiền án: 02 tiền án cụ thể ngày 12/4/2017 Bị Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh VL xử phạt 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản chấp hành xong ngày 01/9/2017; Ngày 23/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TV xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản chấp hành xong ngày 08/4/2020; tiền sự: 02 tiền sự cụ thể ngày 14/12/2018 Công an huyện CL,

tỉnh TV ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 14/5/2020 Công an xã MC, huyện CL, tỉnh TV ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: xấu. Bị cáo bị cơ quan điều tra bắt tạm giữ ngày 12/9/2020, ngày 15/9/2020 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/- Thái Thanh T, (tên gọi khác Tốt) sinh 1985 tại thành phố CT; nơi cư trú: khu vực LT 1, phường TK, quận TN, thành phố CT; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Thái Văn Á, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; Họ và tên vợ: Trần Thị Lệ T (đã ly hôn năm 2015) con: Trần Thành Đ, sinh năm 2014; tiền án: không có; tiền sự: 01 tiền sự cụ thể ngày 06/8/2020 Công an xã TL, huyện VT, thành phố CT ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: xấu. Bị cáo bị cơ quan điều tra bắt tạm giữ ngày 12/9/2020, ngày 15/9/2020 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/- Lê Khai T, sinh ngày 10/6/2003 tại tỉnh TV; nơi cư trú: ấp 3, xã TP, huyện CK, tỉnh TV; Nghề nghiệp: không nghề; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Mai Thị L, sinh năm 1979; Họ và tên vợ, con: không có; tiền án: không có; tiền sự: 02 tiền sự cụ thể ngày 07/7/2020 Công an xã TP, huyện CK, tỉnh TV ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 24/7/2020 Công an xã TP, huyện CK, tỉnh TV ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: xấu. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người giám hộ theo pháp luật bị cáo T: bà Mai Thị L, sinh năm 1979 (mẹ ruột) nơi cư trú: ấp 3, xã TP, huyện CK, tỉnh TV. (có mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Khai T: Ông Diệp Minh Trường, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TV. (có mặt)*

- *Các bị hại:*

1/- Bà Nguyễn Thị C, sinh 1965 (có đơn giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã TP, huyện CK, tỉnh TV.

2/- Ông Nguyễn Văn Ú, sinh 1974 (có đơn giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp NH, xã HN, huyện VL, tỉnh VL.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/- Ông Nguyễn Văn L, sinh 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp QT, xã HP, huyện VL, tỉnh VL.

2/- Bà Lê Thị H, sinh 1978 (vắng mặt)

3/- Bà Nguyễn Thị L, sinh 1960 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp số 5, xã MC, huyện CL, tỉnh TV

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau nên vào khoảng 16 giờ, ngày 10/9/2020 bị cáo Huỳnh Văn N nhắn tin rủ bị cáo Lê Khai T có biết chỗ nào dễ đột nhập để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị cáo T đồng ý cùng hẹn nhau đi trộm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày bị cáo Thái Thanh T là bạn của bị cáo N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu KAWASAKY, loại MAX, màu hồng biển số 84B1 - 315.66 đến nhà của bị cáo N chơi. Khoảng 00 giờ ngày 11/9/2020 bị cáo N kêu bị cáo T điều khiển xe chở đến đoạn lộ nhựa trước nhà của bị cáo T, gặp bị cáo T đang ở ngoài lộ thì bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N và bị cáo T theo đường tỉnh 911 về hướng chợ xã TP, huyện CK, khi đi đến phía trước tiệm bán tạp hóa của bà Nguyễn Thị C ngụ ấp 3, xã TP, huyện CK thấy cửa khóa bên ngoài nhưng đèn bên trong vẫn mở sáng và biết tiệm của bà C không có người ngủ giữ. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe chạy lên cầu Ngã Hậu cách tiệm bà C khoảng 50m và dừng xe ở khu vực giữa cầu, lúc này bị cáo N xuống xe một mình đi đến tiệm tạp hóa của bà C để quan sát tìm chỗ đột nhập vào bên trong, một lúc sau thì quay lại chỗ bị cáo T và bị cáo T cả ba bị cáo ngầm thỏa thuận, bị cáo N đột nhập trộm, bị cáo T canh giới khi có người đến thì ra ám hiệu cho bị cáo N tẩu thoát. Bị cáo N kêu bị cáo T đi cùng đến tiệm tạp hóa của bà C, khi đến tiệm tạp hóa của bà C, bị cáo N kêu bị cáo T đứng bên ngoài canh giới, còn bị cáo N đột nhập vào bên trong. Bị cáo N từ bên ngoài trèo tường đột nhập vào bên trong tiệm tạp hóa của bà C,

khi vào được bên trong do cánh cửa lên nhà trước bị khóa trái, bị cáo N lấy một cây dao (loại dao yếm) có sẵn trong nhà bếp để cạy cánh cửa rồi đi lên nhà trước tìm kiếm tài sản. Bị cáo trộm cắp nhiều loại thẻ nạp tiền điện thoại di động của các nhà mạng gồm: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, Vietnamobile (không kiểm tra số lượng thẻ nạp tiền), 14 sim số thuê bao di động các loại nhà mạng khác nhau và số tiền 120.000 đồng để trong tủ nhôm, bị cáo lấy tất cả tài sản cất giấu trên người, tiếp tục lấy trộm thêm 27 chai nước giải khát để trên kệ gỗ gồm: 12 chai C2, 06 chai Nuti, 06 chai Dr.Thanh, 03 chai Number One, bị cáo N mở cửa hong nhà sau đi ra ngoài cùng với bị cáo T đi lại chỗ bị cáo T đang đợi trên cầu. Bị cáo N lấy ra số tiền 120.000 đồng vừa trộm được đưa cho bị cáo T cất giữ, còn thẻ nạp tiền và sim điện thoại bị cáo N cất giữ. Sau đó bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N và bị cáo T về nhà của bị cáo N ngủ. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 11/9/2020, bị cáo N đưa cho bị cáo T 05 thẻ nạp Vietnamobile mệnh giá mỗi thẻ là 10.000 đồng, bị cáo T lấy thẻ nạp tiền và kêu bị cáo N đưa về nhà nhưng bị cáo N không đồng ý. Thấy vậy bị cáo T đưa cho bị cáo T số tiền 50.000 đồng trong số tiền 120.000 đồng đã trộm được và kêu bị cáo T thuê xe ôm chở về nhà, bị cáo T cất giữ số tiền còn lại 70.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau khi bị cáo T ra về, bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N mang theo tất cả thẻ nạp tiền điện thoại đến tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Văn L bán với số tiền 4.490.000 đồng nhưng bị cáo N chỉ lấy số tiền là 4.000.000 đồng, còn số tiền 490.000 đồng thì bị cáo N cho ông L là phần tiền lời. Khi có được số tiền trên, bị cáo N chia cho bị cáo T số tiền 1.300.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, bị cáo N cất giữ lại số tiền là 2.700.000 đồng cùng 14 sim số thuê bao di động các loại.

Khoảng 5 giờ ngày 11/9/2020 bị hại Nguyễn Thị C đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc bị mất trộm tài sản gồm, giá trị tiền các loại thẻ nạp điện thoại khoảng 24.000.000 đồng, tiền bán nước và bán thẻ cào là khoảng 5.600.000 đồng, số lượng nước ngọt bị trộm cắp ước tính khoảng 400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thu hồi tài sản gồm: 37 thẻ nạp Viettel trị giá 10.000đồng/1 thẻ; 37 thẻ nạp Viettel trị giá 20.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Viettel trị giá 50.000đồng/1 thẻ; 03 thẻ nạp Viettel trị giá 100.000đồng/1 thẻ; 28 thẻ nạp Mobiphone trị giá 10.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Mobiphone trị giá

20.000đồng/1 thẻ; 17 thẻ nạp Mobiphone trị giá 50.000đồng/1 thẻ, do ông Lập giao nộp (tương đương 4.080.000 đồng).

Thu hồi 05 thẻ nạp VietNamobile trị giá 10.000đồng/thẻ (tương đương 70.000 đồng) và 20.000đ bị cáo Lê Khai T giao nộp, tổng cộng 70.000 đồng.

Tạm giữ 3.550.000đồng, 13 thẻ sim điện thoại di động ((tương đương 520.000 đồng) gồm: 9 sim VietNamobile, 02 sim Viettel, 02 sim Mobiphone, 05 chai nước đã sử dụng gồm: 03 chai Number One, 01 chai C2, 01 chai Dr thanh, do bị cáo Huỳnh Văn N giao nộp.

Tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu KAWASAKY, loại MAX, màu hồng biển số 84B1 - 315.66 của bị cáo Thái Thanh T; tạm giữ 01 cây dao có tổng chiều dài 39cm, loại dao yếm, cán dao bằng gỗ dạng tròn dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại có một cạnh sắc (*bén*) dài 24cm, trên thân dao có chữ THY, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa và chìa khóa bằng kim loại, màu đen, đã qua sử dụng, trên ổ khóa và chìa khóa có chữ YOfi của bà C.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Ngày 12 tháng 9 năm 2020 Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm giữ và ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đối với bị cáo Huỳnh Văn N, Thái Thanh T để điều tra làm rõ.

Ngày 15/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CK đã ra Yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại ngày 11/9/2020 gồm các tài sản sau: 37 thẻ nạp nhà mạng Viettel trị giá 10.000đồng/1 thẻ; 37 thẻ nạp Viettel trị giá 20.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Viettel trị giá 50.000đồng/1 thẻ; 03 thẻ nạp Viettel trị giá 100.000đồng/1 thẻ; 28 thẻ nạp nhà mạng Mobiphone trị giá 10.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Mobiphone trị giá 20.000đồng/1 thẻ; 17 thẻ nạp Mobiphone trị giá 50.000đồng/1 thẻ; 05 thẻ nạp nhà mạng VietNamobile trị giá 10.000đồng/thẻ; 12 chai nước uống nhãn hiệu C2, có thể tích thực là 360ml; 06 chai nước nhãn hiệu Nuti, có thể tích thực là 300ml; 06 chai nước nhãn hiệu Dr. Thanh, có thể tích thực là 330ml; 03 chai nước uống nhãn hiệu Number One, có thể tích thực là 330ml; 09 thẻ sim nhà mạng VietNamobile; 03 thẻ sim nhà mạng Viettel; 02 thẻ sim nhà mạng Mobiphone.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CK, có bản kết luận định giá tài sản số 27/BKL-HĐĐG Ngày 15/9/2020, kết luận: Tại thời điểm bị thiệt hại vào ngày 11/9/2020 các tài sản nêu trên có giá trị thành tiền Việt Nam đồng là 4.892.500 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc với bị hại Nguyễn Thị C và yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến số lượng thẻ nạp tiền cũng như số tiền bị mất nhưng bà C không cung cấp được hóa đơn, sổ sách, ghi chép, lưu giữ để chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xác định tài sản của bà C bị mất trộm như đã khai báo.

Quá trình làm việc Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, Lê Khai T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, là cùng đồng phạm trộm cắp tài sản như kết quả điều tra đã nêu trên.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định hành vi của bị cáo Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, bị cáo Lê Khai T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, ngày 15/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam, đối với Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú với bị cáo Lê Khai T.

Ngoài ra vào ngày 12/8/2020, bị cáo Huỳnh Văn N còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trộm 01 (một) motor bơm nước loại 02HP nhãn hiệu WESTON, của Nguyễn Văn Ú sinh năm 1974, ngụ ấp Ngã Hậu, xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị tài sản thiệt hại đã định giá là 1.500.000đ, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Ngày 07/9/2020 Cơ quan điều tra huyện VL, tỉnh VL đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, ra Quyết định chuyển vụ án cho Cơ quan điều tra Công an huyện CK, Cơ quan điều tra ra quyết định nhập vụ án để điều tra xử lý theo pháp luật.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 28/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh TV đã truy tố các bị cáo Thái Thanh T và bị cáo Lê Khai T về tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Huỳnh Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn L khai sau khi mua số lượng thẻ nạp tiền từ bị cáo N ông Lập đã bán một số ít thẻ nạp tiền điện thoại cho khách hàng với số tiền khoảng 400.000 đồng, ông Lập không nhớ rõ số lượng bao nhiêu và của các nhà mạng nào cũng như mệnh giá của từng thẻ nạp tiền và cũng không biết tài sản thẻ nạp điện thoại di động các loại trên do bị cáo N, T trộm cắp mà có nên không bị xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đồng thời ông Lập yêu cầu bị cáo N, T bồi thường số tiền thiệt hại 4.000.000 đồng và tự nguyện nộp lại số tiền 410.000 đồng để trả lại cho bà C.

Đối với bà Lê Thị H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 84B1 - 315.66, bà Hiền cho bị cáo Thái Thanh T mượn xe nhưng không biết việc bị cáo T dùng xe để chở bị cáo N và T đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả xe trên cho bà H.

Bị hại Nguyễn Thị C đã nhận lại tài sản bị mất trộm gồm: 37 thẻ nạp nhà mạng Viettel trị giá 10.000 đồng/1 thẻ; 37 thẻ nạp Viettel trị giá 20.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Viettel trị giá 50.000đồng/1 thẻ; 03 thẻ nạp Viettel trị giá 100.000đồng/1 thẻ; 28 thẻ nạp nhà mạng Mobiphone trị giá 10.000đồng/1 thẻ; 22 thẻ nạp Mobiphone trị giá 20.000đồng/1 thẻ; 17 thẻ nạp Mobiphone trị giá 50.000đồng/1 thẻ; 05 thẻ nạp nhà mạng VietNamobile trị giá 10.000đồng/thẻ; 09 thẻ sim nhà mạng VietNamobile; 02 thẻ sim nhà mạng Viettel; 02 thẻ sim nhà mạng Mobiphone. Giá trị tài sản thiệt hại còn lại bà C yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Số tiền 850.000đồng là tiền cá nhân của bị cáo Huỳnh Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CK trả lại cho bị cáo quản lý và trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu sam sung cho Lê Khai T.

Bị hại Nguyễn Văn Ú đã nhận lại tài sản do gia đình bị cáo Huỳnh Văn N khắc phục bồi thường nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu xe mô tô biển số 70M2- 0277 và giấy đăng ký xe số 012116, bà L cho bị cáo Huỳnh Văn N mượn xe nhưng không biết việc bị cáo N dùng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra

quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả xe và giấy đăng ký trên cho bà Lân. Bà Lân không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền mà bà đã khắc phục thay bị cáo bồi thường cho Nguyễn Văn Ú.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận những hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh TV truy tố, đồng thời ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình nên xin Hội đồng xét xử giảm N hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố bị cáo Thái Thanh T và bị cáo Lê Khai T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhưng đối với bị cáo Huỳnh Văn N đại diện Viện kiểm sát có ý kiến sửa đổi bổ sung truy tố từ điểm g, khoản 2, Điều 173 lên khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Đối với bị cáo Huỳnh Văn N: áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Đối với bị cáo Thái Thanh T: áp dụng điểm b, s khoản 1, Điều 51, khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam.

Đối với bị cáo Lê Khai T: áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173; Điều 38, 98, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C và bồi thường cho người có quyền lợi liên quan số tiền theo quy định. Ngoài ra Vị địa diện viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Khai T thống nhất nội dung bản cáo trạng cũng như hành vi phạm tội của bị cáo, thống nhất tội danh điều khoản đã truy tố khoản 1 Điều 173, điều 38, 101 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết để giảm N hình phạt theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khung hình phạt thấp nhất so với mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK đã sửa đổi, bổ sung về điều khoản truy tố đối với bị cáo Huỳnh Văn N từ điểm g, khoản 2, Điều 173 lên khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 298 và Điều 306 của Bộ luật tố tụng hình sự việc thay đổi truy tố từ khoản 2 lên khoản 1 Điều 173 là đúng quy định và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, tại Tòa bị cáo N và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận việc thay đổi truy tố đối với bị cáo N của Viện kiểm sát nhân dân huyện CK.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt các bị hại ông Nguyễn Văn Út và bà Nguyễn Thị C nhưng các bị hại có làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lê Thị H vắng mặt. Việc vắng mặt của bà C, ông Út, bà Hiền không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Vị trợ giúp viên pháp lý, kiểm sát viên và các bị cáo thống nhất và không có ý kiến gì, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt các bị hại ông Út, bà C và người có quyền lợi có liên quan đến vụ án bà Hiền.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, Lê Khai T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại; của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, của người làm chứng, sơ đồ hiện trường; kết luận định giá tài sản bị thiệt hại, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 11/9/2020, bị cáo Huỳnh Văn N, bị cáo Lê Khai T và

bị cáo Thái Thanh T đến tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị C để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo T và T là đồng phạm với vai trò giúp sức trong vụ án. Tài sản theo kết luận định giá có giá trị thành tiền Việt Nam đồng là 4.892.500 đồng và 120.000 đồng tiền mặt. Ngoài ra đối với bị cáo Huỳnh Văn N vào ngày 12/8/2020 còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trộm 01 motor bơm nước loại 02HP nhãn hiệu WESTON Nguyễn Văn Ú. Giá trị tài sản thiệt hại đã định giá là 1.500.000đ, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa được án án tích mà còn vi phạm. Ngày 07/9/2020 Cơ quan điều tra huyện VL, tỉnh VL đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra Quyết định chuyển vụ án cho Cơ quan điều tra Công an huyện CK, và ra quyết định nhập vụ án để điều tra xử lý theo pháp luật. Do đó, cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CK và luận tội của kiểm sát viên truy tố các bị cáo Huỳnh Văn N, bị cáo Thái Thanh T và bị cáo Lê Khai T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Thái Thanh T và bị cáo Lê Khai T không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Huỳnh Văn N vào ngày 12/8/2020, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trộm 01 motor bơm nước loại 02HP nhãn hiệu WESTON Nguyễn Văn Ú. Giá trị tài sản thiệt hại đã định giá là 1.500.000 đồng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa được án án tích mà còn vi phạm. Ngày 07/9/2020 Cơ quan điều tra huyện VL, tỉnh VL đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can nên bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Đồng thời, bị cáo N biết bị cáo Lê Khai T là người dưới 18 tuổi mà bị cáo lại rủ rê, lôi kéo, xúi dục bị cáo T tìm nơi có tài sản để trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo sẽ bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo cho rằng nguyên nhân các bị cáo phạm tội là do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của các bị hại để tiêu xài cho mục đích cá nhân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo có đầy đủ sức khỏe nhưng không tự mình lao động ra của cải vật

chất cho bản thân và gia đình, hay tích cực cùng với chính quyền địa phương bảo vệ trật tự trị an trong xóm ấp, bảo vệ thành quả lao động chính đáng của gia đình, của bản thân, của bà con lối xóm. Không làm được như vậy các bị cáo học đòi theo những phần tử xấu, lười lao động, chỉ vì ham muốn nhanh chóng có tài sản nhưng không phải lao động chân chính dẫn đến hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, đối với các bị cáo tùy từng tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà cần lượng hình khác nhau cụ thể:

+ Đối với bị cáo Huỳnh Văn N, bị cáo là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác và là người phân công, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bán tài sản và chia tài sản cho các bị cáo khác, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện học tập, cải tạo, giáo dục thành công dân có ích cho gia đình. Đồng thời, cũng nhằm mục đích răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

+ Đối với bị cáo Thái Thanh T, bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo N trộm tài sản, chở bị cáo N đi bán tài sản, được chia tiền và đã tiêu xài hết, bị cáo có nhân thân xấu từng bị xử phạt 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích, hiện tại bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo vẫn không sửa chữa lỗi lầm của mình nên cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 của Bộ luật hình sự cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện học tập, cải tạo, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Lê Khai T, bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức, chỉ điểm nhà bị hại cho bị cáo N trộm tài sản, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, cơ quan có thẩm quyền đã cho bị cáo được tại ngoại có bảo lãnh và cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, lễ ra Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hình phạt N hơn so với quy định không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên,

trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành mời bị cáo để làm việc thì bị cáo không chấp hành, hơn nữa cha, mẹ bị cáo là bà Mai Thị L và ông Lê Văn Đăng là người giám hộ và bảo lãnh cho bị cáo có đơn trình báo không còn khả năng quản lý, giáo dục bị cáo nữa. Ủy ban nhân dân xã TP là cơ quan có trách nhiệm quản lý, theo dõi bị cáo trong thời gian bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú có công văn xác nhận bị cáo Lê Khai T trong quá trình tại ngoại cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo thường xuyên bỏ địa phương đi không trình báo, ngoài ra còn có hành vi sử dụng trái chếp chấp ma túy và trộm cắp vật, khi bị cha ruột của mình là ông Lê Văn Đăng la rầy thì bị cáo dùng cây sắt đánh ông Đăng gây thương tích. Từ những phân tích trên cho thấy việc áp dụng hình phạt cho bị cáo ở ngoài xã hội là không có tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với bị cáo, cha mẹ bị cáo, chính quyền địa phương không thể quản lý giáo dục bị cáo được nữa nên cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện học tập, cải tạo, giáo dục bị cáo (*mức hình phạt bằng $\frac{3}{4}$ so với người thành niên*).

[6] Về tình tiết giảm N trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

+ Đối với bị cáo Huỳnh Văn N: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra cũng như tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tác động gia đình để bồi thường cho bị hại đây là tình tiết giảm N một phần hình phạt cho bị cáo theo lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết giảm N trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Thái Thanh T: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra cũng như tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tác động gia đình nộp tiền bồi thường đây là tình tiết giảm N một phần hình phạt cho bị cáo theo lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết giảm N trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Lê Khai T: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra cũng như tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm N một phần hình phạt cho bị cáo theo lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết giảm N trách nhiệm hình sự quy định tại Điều i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, ông của bị cáo tên Thái Văn Quán là liệt sĩ đây là tình tiết giảm N cho bị cáo được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bị hại Nguyễn Văn Ú, bà Lê Thị Lân là bà Ngoại của bị cáo N đã mua tài sản mới bồi thường nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với bị hại Nguyễn Thị C bị cáo là người gây ra thiệt hại, bị hại yêu cầu bồi thường. Tại các biên bản lấy lời khai bà C cho rằng thiệt hại của bà có tổng số tiền 30.513.000 đồng và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền trên. Tuy nhiên, cũng theo bà C cho rằng khi mua các thẻ cào, thẻ sim từ các nhà mạng di động số tiền 24.000.000 đồng và số tiền 5.600.000 đồng mặt bà không có hóa đơn, chứng từ cũng như biên nhận, hợp đồng, hay sổ sách hoặc bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh có tài sản và số tiền đó. Hơn nữa, các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khai số tài sản trộm được khớp với tài sản mà Nguyễn Văn L là người mua lại tài sản giao nộp nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà C mà chỉ buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường theo giá trị theo hội đồng định giá đã định giá. Bị hại Nguyễn Thị C đã nhận lại tài sản tương đương số tiền 4.650.000 đồng, (tổng thiệt hại 4.892.500 đồng + 120.000 đồng + 410.000 đồng chênh lệch giá bị cáo bán cho Lập = 5.422.500 đồng số tiền còn lại được bồi thường 772.500 đồng). Cụ thể: Bị cáo N bồi thường 40.000 đồng (01 sim điện thoại); bị cáo T bồi thường 50.000 đồng, đã nộp lại 20.000 đồng, còn lại 30.000 đồng tiếp tục bồi thường; bị cáo T bồi thường 70.000 đồng; bị cáo N, T, T liên đới bồi thường 202.500 đồng tiền nước uống; ông L tự nguyện nộp trả 410.000 đồng cho bà C. Tổng cộng 772.500 đồng.

+ Đối với thiệt hại của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Văn L yêu cầu các bị cáo N, T bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là có

cơ sở. Do đó, buộc bị cáo Huỳnh Văn N và bị cáo Thái Thanh T có trách nhiệm bồi thường số tiền nêu trên.

[8] Vật chứng của vụ án:

+ 01 chai nhãn hiệu C2, 01 chai nhãn hiệu Dr. Thanh, 03 chai nhãn hiệu Number One (*bên trong không có nước*) các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 cây dao có tổng chiều dài 39cm, loại dao yếm, cán dao bằng gỗ dạng tròn dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại có một cạnh sắc (*bén*) dài 24cm, trên thân dao có chữ THY, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa và chìa khóa bằng kim loại, màu đen, đã qua sử dụng, trên ổ khóa và chìa khóa có chữ Yofi, cây dao và ổ khóa là của bà C nên xem xét giao trả lại cho bà C.

+ Số tiền 2.700.000 đồng là tiền bị cáo N bán thẻ nạp mà có cùng với số tiền 20.000 đồng của bị cáo Lê Khai T giao nộp; số tiền 1.370.000 đồng do gia đình của bị cáo Thái Thanh T giao nộp để khắc phục hậu quả. Tất cả số tiền nêu trên để bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[9] Đối với Nguyễn Văn L khai không biết tài sản thẻ nạp điện thoại di động các loại trên do bị cáo N, T trộm cắp mà có nên không bị xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với bà Lê Thị H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 84B1 - 315.66, bà Hiền cho bị cáo Thái Thanh T mượn xe nhưng không biết việc bị cáo T dùng xe để chở bị cáo N và T đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả xe trên cho bà Hiền. Số tiền 850.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo Huỳnh Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CK trả lại cho bị cáo quản lý và trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu sam sung cho bị cáo Lê Khai T; Đối với bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu xe mô tô biển số 70M2- 0277 và giấy đăng ký xe số 012116, bà Lân cho bị cáo Huỳnh Văn N mượn xe nhưng không biết việc bị cáo N dùng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả xe và giấy đăng ký trên cho bà Lân. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: buộc các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Khai T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và được chấp nhận.

[12] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[13] Về tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn N 02 (hai) năm tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 12/9/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Thái Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Thái Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 12/9/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: bị cáo bị cáo Lê Khai T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Khai T 09 (chín) tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo từ ngày 21/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, Lê Khai T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C 202.500đồng; buộc bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C 40.000 đồng; buộc bị cáo Thái Thanh T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C 70.000 đồng; buộc bị cáo Lê Khai T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C 50.000 đồng; Buộc bị cáo Huỳnh Văn N và bị cáo Thái Thanh T bồi thường cho người có quyền lợi liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L số tiền 4.000.000đồng; Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L trả cho bà Nguyễn Thị C 410.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa bồi thường số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 chai nhãn hiệu C2, 01 chai nhãn hiệu Dr. Thanh, 03 chai nhãn hiệu Number One (*bên trong không có nước*) các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 cây dao có tổng chiều dài 39cm, loại dao yếm, cán dao bằng gỗ dạng tròn dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại có một cạnh sắc (*bén*) dài 24cm, trên thân dao có chữ THY, đã qua sử dụng; 01 ổ khóa và chìa khóa bằng kim loại, màu đen, đã qua sử dụng, trên ổ khóa và chìa khóa có chữ Yofi, cây dao và ổ khóa là của bà Nguyễn Thị C nên trả lại cho bà Nguyễn Thị C.

Số tiền 2.700.000 đồng là tiền bị cáo N bán thẻ nạp mà có cùng với số tiền 20.000đồng của bị cáo Lê Khai T giao nộp; số tiền 1.370.000 đồng do gia đình

của bị cáo Thái Thanh T giao nộp để khắc phục hậu quả. Tất cả số tiền nêu trên để bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Số tiền 2.720.000 đồng đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CK quản lý tại Tài khoản số 39490907763200000 (BL327)

Cây dao, ổ khóa (có gắn chìa khóa), 05 chai nước đã qua sử dụng đang được Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự quản lý theo biên bản giao nhận ngày 29/12/2020 (BL506).

Số tiền 1.370.000 đồng đang được Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện CK tạm giữ theo biên lai số 0001752 ngày 01/12/2020.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Văn N, Thái Thanh T, Lê Khai T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Án xét xử công khai các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TV;
- VKSND huyện CK;
- Công an huyện CK;
- CC Thi hành án DS huyện CK;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Hoàng Tiếp